TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2020

Phụ lục 5

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2020
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ HÀ NỘI (DLX) - NGÀNH KẾ TOÁN (7340301)
(Xét tuyển bằng hình thức dựa trên kết quả học tập THPT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2373/QĐ-HĐTSĐHCQ2020 ngày 26/8/2020 của Chủ tịch HĐTSĐHCQ 2020 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
1	ĐINH QUỐC TRUNG	037202004665	31/07/2002	Nam	00	2	A00	26.1	26.35	NV1
2	NGUYỄN NGÂN GIANG	001302018292	06/10/2002	Nữ	00	3	A00	26.3	26.3	NV1
3	TRẦN CÔNG DU	034202004202	25/07/2002	Nam	00	2NT	A00	25.66	26.16	NV1
4	NGUYỄN THẢO VÂN	034302008961	19/01/2002	Nữ	00	2NT	D01	25.38	25.88	NV1
5	PHAN PHƯƠNG ANH	038302021497	01/08/2002	Nữ	00	2	D01	25.2	25.45	NV1
6	TRẦN VĂN ĐỨC SƠN	022202000502	11/10/2002	Nam	00	1	A01	24.62	25.37	NV1
7	LA THU HƯƠNG	085505001	03/04/2001	Nữ	01	1	A00	22.52	25.27	NV1
8	LÊ THỊ THÙY LINH	038302014556	31/08/2002	Nữ	00	2NT	D01	24.74	25.24	NV1
9	MẠC THÚY NGÂN	125958580	14/08/2002	Nữ	06	2	D01	23.94	25.19	NV1
10	LÊ HÀ MY	001301025561	10/11/2001	Nữ	00	3	A01	24.96	24.96	NV1
11	ĐẶNG ĐỖ QUYÊN	001302018884	14/01/2002	Nữ	00	2	D01	24.6	24.85	NV1
12	HÀ KIỀU AN	034302001694	02/11/2002	Nữ	00	3	D01	24.78	24.78	NV1
13	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	017302000038	03/09/2002	Nữ	00	3	D01	24.74	24.74	NV1
14	NGUYỄN THỊ MINH TÚ	001302005937	09/03/2002	Nữ	00	3	A01	24.74	24.74	NV1
15	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	034302006059	30/09/2002	Nữ	00	2NT	A00	24.22	24.72	NV1
16	BÙI PHƯƠNG ANH	036302008873	30/09/2002	Nữ	00	2	A00	24.26	24.51	NV1
17	LÙ THỊ THÙY DUNG	001301036711	08/01/2001	Nữ	01	1	A00	21.74	24.49	NV1
18	VÕ BÍCH NGỌC	113775622	25/09/2002	Nữ	00	1	A00	23.58	24.33	NV1
19	NGUYỄN THỊ THÚY	001302023104	12/08/2002	Nữ	00	2	D01	24.04	24.29	NV1
20	NGUYỄN THỊ HOÀNG THANH	125905489	12/09/2002	Nữ	00	2NT	D01	23.78	24.28	NV1
21	MAI CẨM LY	038302009353	02/07/2002	Nữ	00	2NT	D01	23.64	24.14	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
22	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	031302005915	19/07/2002	Nữ	00	2	A00	23.88	24.13	NV1
23	PHẠM THÚY NGÂN	073571997	20/11/2002	Nữ	00	1	A00	23.32	24.07	NV1
24	PHẠM QUỲNH NHƯ	036302001977	23/07/2002	Nữ	00	2	A00	23.76	24.01	NV1
25	BÙI THỊ THU BÍCH	033302003291	21/02/2002	Nữ	00	2NT	A00	23.46	23.96	NV1
26	NGUYỄN THỊ THU HÀ	001302002717	07/07/2002	Nữ	00	3	A00	23.92	23.92	NV1
27	MỴ THU TRANG	038302004262	05/03/2002	Nữ	00	2NT	A00	23.38	23.88	NV1
28	TRẦN BẢO ANH	034302000730	12/07/2002	Nữ	00	2	D01	23.6	23.85	NV1
29	NGUYỄN NGA KHÁNH LINH	033302000063	15/07/2002	Nữ	00	3	D01	23.8	23.8	NV1
30	TRẦN THỊ NGỌC MAI	001302016001	16/03/2002	Nữ	00	3	D01	23.8	23.8	NV1
31	NGUYỄN QUỲNH ANH	001302002970	15/05/2002	Nữ	00	3	A00	23.78	23.78	NV1
32	LƯƠNG QUANG ĐẠT	033202006343	27/08/2002	Nam	00	2	A00	23.5	23.75	NV1
33	NGUYỄN THỊ XUÂN LIÊN	001302020098	28/08/2002	Nữ	00	3	A00	23.7	23.7	NV1
34	ĐOÀN THỊ HẰNG	036300003465	17/06/2000	Nữ	00	3	A00	23.64	23.64	NV1
35	DƯƠNG NGUYỄN QUỲNH ANH	030302006594	06/12/2002	Nữ	00	2	A00	23.38	23.63	NV1
36	TRẦN THỊ LAN ANH	034302010833	04/11/2002	Nữ	00	2	D01	23.3	23.55	NV1
37	BÙI HOÀNG HIỆP	037202004716	04/06/2002	Nam	00	2	D01	23.28	23.53	NV1
38	TẠ THÙY LINH	022302003641	30/09/2002	Nữ	00	2NT	D01	23.02	23.52	NV1
39	NGUYỄN THỊ THU HÀ	001302028283	06/11/2002	Nữ	00	2	A00	23.24	23.49	NV1
40	NGUYỄN VŨ HÀ MY	033302000088	07/08/2002	Nữ	00	3	D01	23.48	23.48	NV1
41	PHẠM VIỆT CHINH	113818853	14/08/2002	Nữ	01	1	A00	20.7	23.45	NV1
42	LÊ THỊ THU HẰNG	038301002612	10/09/2001	Nữ	00	2NT	D01	22.9	23.4	NV1
43	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	001302017101	12/04/2002	Nữ	00	2	D01	23.12	23.37	NV1
44	NGUYỄN NGA MAI LINH	033302000062	15/07/2002	Nữ	00	3	D01	23.36	23.36	NV1
45	LÊ THỊ LINH	038302016143	12/02/2002	Nữ	00	2NT	A00	22.78	23.28	NV1
46	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	030200002415	17/08/2000	Nam	00	2NT	A01	22.76	23.26	NV1
47	ĐOÀN THỊ THẢO PHƯƠNG	030300007691	07/04/2002	Nữ	00	2	D01	22.98	23.23	NV1
48	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	125961169	14/12/2002	Nữ	00	2	A00	22.96	23.21	NV1
49	PHẠM THU HÀ	034302010007	25/12/2002	Nữ	00	2	D01	22.94	23.19	NV1
50	PHÍ THỊ XUÂN	001302014117	02/11/2002	Nữ	00	2	D01	22.92	23.17	NV1
51	HOÀNG THỊ HIẾU PHƯƠNG	022302006907	27/11/2002	Nữ	00	1	A01	22.38	23.13	NV1
52	LƯU BÍCH THƯƠNG	125923024	30/10/2002	Nữ	00	2	D01	22.88	23.13	NV1
53	NGUYỄN THÙY TRANG	001302007269	27/09/2002	Nữ	00	3	D01	23.12	23.12	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
54	NGUYỄN THỊ TRANG	113773485	04/03/2001	Nữ	00	1	D01	22.3	23.05	NV1
55	ĐOÀN THỊ NHUNG	031302006746	19/04/2002	Nữ	00	2	A00	22.76	23.01	NV1
56	LÊ THANH THỊNH	030202001082	05/07/2002	Nam	00	2	A00	22.74	22.99	NV1
57	PHẠM THỊ SEN	125964791	15/10/2002	Nữ	00	2NT	D01	22.46	22.96	NV1
58	LÊ THỊ THU TRANG	001302028565	06/06/2002	Nữ	00	2	A00	22.7	22.95	NV1
59	HOÀNG THỊ TRÚC	001302010146	04/07/2002	Nữ	00	2NT	A00	22.44	22.94	NV1
60	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG CẦM	001302022808	06/12/2002	Nữ	00	2	D01	22.64	22.89	NV1
61	PHAN CHÂU ANH	001302004435	18/01/2002	Nữ	00	3	D01	22.88	22.88	NV1
62	VŨ THỊ LAN PHƯƠNG	061098344	30/01/2001	Nữ	00	1	D01	22.12	22.87	NV1
63	PHẠM MAI LINH	001302020481	30/08/2002	Nữ	00	3	A00	22.82	22.82	NV1
64	PHẠM QUANG HƯNG	001202018557	21/11/2002	Nam	00	3	A00	22.82	22.82	NV1
65	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	034302002809	04/02/2002	Nữ	00	2NT	A00	22.26	22.76	NV1
66	NGUYỄN ĐÌNH DUY	001202006414	12/11/2002	Nam	00	3	D01	22.68	22.68	NV1
67	PHAN MINH PHƯƠNG	001302001136	17/04/2002	Nữ	00	3	D01	22.66	22.66	NV1
68	THÂN HÀ NHẬT VY	022302001878	29/11/2002	Nữ	00	2	D01	22.38	22.63	NV1
69	TRẦN GIANG LINH	044302004247	29/08/2002	Nữ	00	1	A00	21.78	22.53	NV1
70	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LY	001302020165	29/06/2002	Nữ	00	3	D01	22.52	22.52	NV1
71	NGUYỄN VŨ DIỆU NGỌC	001302032305	29/05/2002	Nữ	00	2	D01	22.18	22.43	NV1
72	NGÔ MẠNH HƯNG	022202003154	27/12/2002	Nam	00	2NT	D01	21.9	22.4	NV1
73	NGUYỄN MINH HỒNG	001302027551	08/06/2002	Nữ	00	2	D01	22.14	22.39	NV1
74	CẦN QUỲNH ANH	001302008762	23/10/2002	Nữ	00	3	D01	22.32	22.32	NV1
75	VƯƠNG THỊ HUYỀN	001301017898	12/05/2001	Nữ	00	2	D01	22.04	22.29	NV1
76	VŨ THỊ HẢI YẾN	001302023210	09/08/2002	Nữ	00	2	D01	22.02	22.27	NV1
77	NGUYỄN HOÀNG MINH	001202006972	08/12/2002	Nam	00	3	D01	22.18	22.18	NV1
78	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	030302009616	08/11/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.64	22.14	NV1
79	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	033302001580	23/02/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.64	22.14	NV1
80	NGUYỄN THU TRANG	001302024065	15/11/2002	Nữ	00	3	D01	22.14	22.14	NV1
81	VŨ DIỄM QUỲNH	022302006050	18/12/2002	Nữ	00	2	D01	21.86	22.11	NV1
82	HÀN PHI NHUNG	001302027752	29/07/2002	Nữ	00	3	D01	21.96	21.96	NV1
83	PHẠM LAN ANH	022302004874	21/03/2002	Nữ	00	2	D01	21.7	21.95	NV1
84	NGUYỄN TUẤN NGHĨA	001202024650	19/10/2002	Nam	00	3	A00	21.94	21.94	NV1
85	TRẦN TRUNG ĐỨC	022202001279	12/08/2002	Nam	00	2	D01	21.68	21.93	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
86	ĐẶNG THÙY LINH	036301002707	15/10/2001	Nữ	00	2NT	A00	21.4	21.9	NV1
87	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	001302010184	12/06/2002	Nữ	00	2	A00	21.62	21.87	NV1
88	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	038302015897	01/10/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.36	21.86	NV1
89	TRẦN PHƯƠNG LOAN	036302009438	18/09/2002	Nữ	00	2	A00	21.6	21.85	NV1
90	LÊ THỊ THẢO	038302019856	17/06/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.26	21.76	NV1
91	TRẦN THÁI BÌNH	038301004176	14/08/2001	Nữ	00	2NT	A00	21.24	21.74	NV1
92	TRẦN THỊ HOÀI THU	034302003971	20/09/2002	Nữ	00	2NT	A00	21.24	21.74	NV1
93	NGUYỄN THANH THẢO	001302028868	28/05/2002	Nữ	00	2	A00	21.48	21.73	NV1
94	TẠ THỊ THU HÀ	001302024636	21/12/2002	Nữ	00	2	D01	21.48	21.73	NV1
95	DƯƠNG THỊ HÀ TRANG	184445423	10/01/2002	Nữ	00	1	A00	20.96	21.71	NV1
96	LÊ LAN ANH	035302004583	22/02/2002	Nữ	00	2	D01	21.4	21.65	NV1
97	NGUYỄN THU HÀ	022302004930	08/06/2002	Nữ	00	2	D01	21.38	21.63	NV1
98	VŨ MAI LY	022302000833	29/08/2002	Nữ	00	2	D01	21.38	21.63	NV1
99	TRỊNH THỊ KIM ANH	037302002843	15/12/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.1	21.6	NV1
100	TRỊNH TRẦN HOÀI THU	001302003609	17/09/2002	Nữ	00	3	A01	21.58	21.58	NV1
101	PHẠM THỊ LAN ANH	034302002003	22/12/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.06	21.56	NV1
102	ĐINH TUẤN ANH	036202009119	17/09/2002	Nam	00	2	A00	21.28	21.53	NV1
103	NGUYỄN BÙI NGỌC ÁNH	073572028	11/06/2002	Nữ	00	1	D01	20.74	21.49	NV1
104	BÙI THỊ THU HOÀI	036302003365	28/06/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.98	21.48	NV1
105	KHIẾU TRẦN MAI CHI	034302005900	14/09/2002	Nữ	00	2	A00	21.16	21.41	NV1
106	PHẠM BÁ LÂM	113753671	09/01/2002	Nam	00	1	D01	20.66	21.41	NV1
107	HOÀNG THỊ TRÀ MY	184347858	20/11/1998	Nữ	00	2NT	D01	20.9	21.4	NV1
108	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	037302002918	01/02/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.9	21.4	NV1
109	NGUYỄN THÙY LINH	001302007851	04/10/2002	Nữ	00	3	D01	21.4	21.4	NV1
110	ĐINH MINH TIẾN	051099915	31/10/2001	Nam	01	1	A00	18.6	21.35	NV1
111	PHẠM TRÀ MY	001302033329	15/10/2002	Nữ	00	2	D01	21.08	21.33	NV1
112	NGUYỄN ANH THƯ	036302001314	08/09/2002	Nữ	00	3	D01	21.32	21.32	NV1
113	ĐỒNG PHƯƠNG THẢO NGUYÊN	001302020945	25/08/2002	Nữ	00	2	D01	21.04	21.29	NV1
114	DƯƠNG THỊ HẰNG	001302023814	30/12/2002	Nữ	00	2	D01	21.04	21.29	NV1
115	ĐINH THỊ HẢI YẾN	034302009334	25/01/2002	Nữ	00	2	D01	20.94	21.19	NV1
116	PHẠM THỊ THÚY HẰNG	001302025151	04/03/2002	Nữ	00	2	D01	20.94	21.19	NV1
117	LÊ HUYỀN TRANG	030302006486	19/11/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.66	21.16	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
118	LÊ HIỀN ANH	001302003925	11/07/2002	Nữ	00	3	D01	21.14	21.14	NV1
119	LÊ THỊ THU HƯƠNG	030302005666	22/12/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.62	21.12	NV1
120	NGUYỄN THỊ THU LAN	001302023068	18/10/2002	Nữ	00	2	D01	20.84	21.09	NV1
121	NGUYỄN THỊ LỆ	001304026573	22/12/2001	Nữ	00	3	D01	21.08	21.08	NV1
122	HỨA PHƯƠNG THÚY	001302010239	08/10/2002	Nữ	00	3	A00	21.06	21.06	NV1
123	ĐỖ MAI HIÊN	001302004452	15/09/2002	Nữ	00	3	A01	21.04	21.04	NV1
124	NGUYỄN NGỌC MỸ LINH	038302000027	02/01/2002	Nữ	00	3	A01	21	21	NV1
125	LÊ NGỌC ÁNH	038302016475	28/03/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.48	20.98	NV1
126	NGUYỄN BẢO CHÂM	001302006446	29/11/2002	Nữ	00	3	D01	20.94	20.94	NV1
127	LẠI KHÁNH LINH	022301001743	17/01/2001	Nữ	00	2NT	D01	20.42	20.92	NV1
128	LÊ THỊ THÚY LY	132442937	09/01/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.42	20.92	NV1
129	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	125909536	12/07/2002	Nữ	00	2	D01	20.66	20.91	NV1
130	ĐỖ THỊ HỒNG NGỌC	037302004646	19/10/2002	Nữ	00	2	A01	20.62	20.87	NV1
131	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	038201019064	15/07/2001	Nam	00	1	A01	20.12	20.87	NV1
132	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	034302000809	24/04/2002	Nữ	00	2	A01	20.56	20.81	NV1
133	MAI VIỆT TÙNG	051118180	28/10/2000	Nam	00	1	D01	20.04	20.79	NV1
134	PHẠM THU NGA	001302008954	22/09/2002	Nữ	00	3	D01	20.76	20.76	NV1
135	PHẠM THANH NHÀN	051178867	03/09/2002	Nữ	00	1	D01	19.98	20.73	NV1
136	HÀ MINH NGỌC	034302000914	22/03/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.18	20.68	NV1
137	HOÀNG THỊ THUYÊN	001302023013	29/04/2002	Nữ	00	2	D01	20.42	20.67	NV1
138	HOÀNG THÚY HẠNH	026302006668	14/05/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.14	20.64	NV1
139	ĐÀO BÁ ĐỨC ANH	022201001833	24/08/2001	Nam	00	2	A00	20.38	20.63	NV1
140	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	035302001375	06/07/2002	Nữ	00	2	D01	20.38	20.63	NV1
141	NGUYỄN MAI ANH	030302010392	05/12/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.1	20.6	NV1
142	NGUYỄN THỊ TÚ NHI	022302004472	03/03/2002	Nữ	00	2NT	A01	20.1	20.6	NV1
143	BÙI THỊ TỐ UYÊN	033301006509	11/01/2001	Nữ	00	2	D01	20.32	20.57	NV1
144	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	061113660	09/07/2001	Nữ	00	3	D01	20.56	20.56	NV1
145	NGUYỄN HỒNG VÂN	113813976	12/10/2002	Nữ	00	1	D01	19.8	20.55	NV1
146	NGUYỄN MINH NGỌC	001302031089	28/03/2002	Nữ	00	2	D01	20.3	20.55	NV1
147	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	000187820716	25/10/2001	Nữ	00	2	D01	20.3	20.55	NV1
148	ĐỖ THỊ TÌNH	001302010062	25/11/2002	Nữ	00	2	D01	20.28	20.53	NV1
149	NGUYỄN HẢI LINH	001302002398	05/08/2002	Nữ	00	3	A00	20.48	20.48	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
150	GIANG THỊ KIM OANH	037302002897	24/10/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.94	20.44	NV1
151	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	001202015231	17/09/2002	Nam	00	3	D01	20.44	20.44	NV1
152	HOÀNG THỊ TUYẾN	001302023124	20/03/2002	Nữ	00	2	D01	20.18	20.43	NV1
153	TRẦN HOÀNG ĐỨC	036202002371	06/07/2002	Nam	00	2	A00	20.1	20.35	NV1
154	VŨ MINH THƯ	000122434327	14/07/2002	Nữ	00	2	D01	20.1	20.35	NV1
155	NGUYỄN QUANG THUẬN	033202006845	30/08/2002	Nam	00	3	D01	20.34	20.34	NV1
156	VŨ THỊ HÀ	038302003069	27/01/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.84	20.34	NV1
157	ĐẶNG HUYỀN TRANG	001302001543	01/02/2002	Nữ	00	3	D01	20.3	20.3	NV1
158	ĐỖ NGỌC ANH	001302011684	26/08/2002	Nữ	00	3	D01	20.24	20.24	NV1
159	NGUYỄN NGỌC ÁNH	125949891	23/08/2002	Nữ	00	2	D01	19.98	20.23	NV1
160	TRẦN THỊ YẾN	001302039221	29/09/2002	Nữ	00	2	A00	19.98	20.23	NV1
161	ĐOÀN THU HUYỀN	001302000325	15/02/2002	Nữ	00	3	D01	20.22	20.22	NV1
162	TRẦN THỊ THANH AN	001302001480	04/06/2002	Nữ	00	3	A00	20.22	20.22	NV1
163	ĐỖ THỊ LAN HƯƠNG	033302005005	25/10/2002	Nữ	00	3	D01	20.18	20.18	NV1
164	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	037302003671	07/03/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.68	20.18	NV1
165	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG HỒNG	033302002191	29/11/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.66	20.16	NV1
166	PHẠM THỊ KIM THOAN	030198004362	02/10/1998	Nữ	00	2NT	A00	19.66	20.16	NV1
167	PHẠM NGỌC DIỆP	022302004924	06/10/2002	Nữ	00	2	D01	19.9	20.15	NV1
168	VŨ DIỆU HẰNG	001302014474	09/08/2002	Nữ	00	2	D01	19.9	20.15	NV1
169	PHẠM THỊ LAN	132422713	30/04/2000	Nữ	00	2NT	D01	19.64	20.14	NV1
170	TỐNG KHÁNH LINH	037302004925	01/10/2002	Nữ	00	2	D01	19.8	20.05	NV1
171	TRƯƠNG HẢI ĐĂNG	001202008186	31/12/2002	Nam	00	3	D01	20.02	20.02	NV1
172	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	001302027846	05/07/2002	Nữ	00	2	D01	19.76	20.01	NV1
173	NGUYỄN THỊ THANH HOA	001302031054	29/06/2002	Nữ	00	2	A00	19.76	20.01	NV1
174	TRỊNH THỊ THÙY DƯƠNG	001302034119	22/10/2002	Nữ	00	2	D01	19.7	19.95	NV1
175	PHẠM HƯƠNG LAN	037302004761	04/04/2002	Nữ	00	2	A00	19.64	19.89	NV1
176	NGHIÊM THỊ LAN PHƯƠNG	038302005062	20/02/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.34	19.84	NV1
177	TRẦN THỊ HUỆ	001302018369	24/09/2002	Nữ	00	3	A00	19.84	19.84	NV1
178	DƯƠNG THỊ QUỲNH HOA	036302008713	20/03/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.32	19.82	NV1
179	NGÔ HUYỀN TRANG	037302002915	31/08/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.28	19.78	NV1
180	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	001302031541	17/11/2002	Nữ	00	2	D01	19.52	19.77	NV1
181	TRẦN VIỆT KHOA	001202010770	29/08/2002	Nam	00	3	D01	19.66	19.66	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
182	NGUYỄN THỊ HỒNG	125909296	04/12/2002	Nữ	00	2	A00	19.38	19.63	NV1
183	NGUYỄN THỊ THU HÀ	035302003554	09/08/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.12	19.62	NV1
184	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	022302001580	25/09/2002	Nữ	00	2	D01	19.18	19.43	NV1
185	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	036302003346	27/07/2002	Nữ	00	2NT	D01	18.84	19.34	NV1
186	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	024302000052	30/10/2002	Nữ	00	3	D01	19.32	19.32	NV1
187	ĐINH NGUYỄN HÀ TRANG	001302018860	31/10/2002	Nữ	00	3	D01	19.24	19.24	NV1
188	PHẠM QUỲNH ANH	001302018520	06/11/2002	Nữ	00	3	D01	19.24	19.24	NV1
189	BÙI THỊ KHÁNH HUYỀN	037302000052	10/11/2002	Nữ	00	3	D01	19.18	19.18	NV1
190	DƯƠNG NGỌC TÙNG LÂM	014202000011	13/12/2002	Nam	00	3	D01	19.18	19.18	NV1
191	ĐINH THỊ THÚY NGA	030302000062	27/01/2002	Nữ	00	2	D01	18.84	19.09	NV1
192	HOÀNG CHU THÚY QUỲNH	132396236	13/02/2001	Nữ	00	2	D01	18.76	19.01	NV1
193	ĐÀO QUỲNH TRANG	132463094	15/12/2002	Nữ	00	1	D01	18.22	18.97	NV1
194	NGUYỄN THỊ SIM	001302033476	02/09/2002	Nữ	00	2	D01	18.72	18.97	NV1
195	HOÀNG CẨM LY	001301003054	02/08/2001	Nữ	00	3	D01	18.86	18.86	NV1
196	NGUYỄN VŨ THÙY LINH	001302036264	21/08/2002	Nữ	00	3	A00	18.78	18.78	NV1
197	PHẠM KIỀU CHINH	033302003752	24/03/2002	Nữ	00	2NT	D01	18.24	18.74	NV1
198	PHẠM THỊ HUYỀN VI	022302004502	15/06/2002	Nữ	00	2	D01	18.46	18.71	NV1
199	TRƯƠNG NAM ANH	001302019917	06/07/2002	Nữ	00	3	D01	18.66	18.66	NV1
200	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	035302005338	07/04/2002	Nữ	00	2	D01	18.26	18.51	NV1
201	ĐỖ THANH THẢO	033302004914	21/04/2002	Nữ	00	2NT	A01	17.86	18.36	NV1
202	HOÀNG HÀ NGÂN	001302002938	22/07/2002	Nữ	00	3	D01	18.08	18.08	NV1

Danh sách này có 202 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng